



# VẤN ĐỀ TỈ LỆ VÀ CƠ CẤU TRONG KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CÁN BỘ GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÓ TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

• ThS. PHẠM VĂN KHANH

Sở Giáo dục & Đào tạo Tiền Giang

Trong “Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010” đã được Chính phủ phê duyệt có ghi “nâng tỉ lệ giáo viên trung học phổ thông (THPT) có trình độ thạc sĩ lên 10% vào năm 2010”.

Thực hiện chỉ tiêu trên, trong 5 năm qua, ngành Giáo dục & Đào tạo (GD-ĐT) các tỉnh, thành trong cả nước đã có nhiều cố gắng lập kế hoạch và khuyến khích cán bộ, giáo viên đi đào tạo trình độ sau đại học. Nhiều tỉnh cũng đã có chính sách riêng nhằm thu hút và tăng cường đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao trên các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực GD - ĐT.

Ở những tỉnh thành có nhiều ưu thế các sở GD - ĐT đang phấn đấu để đạt và vượt chỉ tiêu nói trên về xây dựng đội ngũ giáo viên THPT có trình độ sau đại học trước năm 2010. Đối với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long – nơi có ít trường đại học và ít cơ sở được đào tạo sau đại học - thì có nhiều khó khăn. Khó khăn lớn nhất hiện nay là tạo nguồn

đào tạo và việc phân bổ chỉ tiêu đào tạo. Có thể vấn đề này sẽ được trình bày đầy đủ hơn trong dịp khác. Riêng ở đây, chúng tôi chỉ xin nêu ý kiến về vấn đề xác định tỉ lệ, cơ cấu, số lượng cán bộ, giáo viên THPT như thế nào trong xây dựng kế hoạch đào tạo sau đại học của các tỉnh

Đồng bằng sông Cửu Long để làm cơ sở cho việc tạo nguồn đào tạo, tuyển sinh sau đại học

hợp lí, hiệu quả.

Nhìn chung để đạt chỉ tiêu 10% giáo viên THPT có trình độ sau đại học đến 2010, mỗi tỉnh ít nhiều đều có những chính sách khuyến khích, hỗ trợ và đưa ra kế hoạch thực hiện. Để lập được một kế hoạch khả thi, các Sở GD - ĐT đều phải xem xét vấn đề cơ cấu, số lượng giáo viên các bộ môn dự kiến cần đào tạo như thế nào cho hợp lí vì đó là vấn đề trước tiên cần làm.

Qua so sánh việc lập kế hoạch đào tạo sau đại học cho cán bộ, giáo viên của 5 tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Long An, Vĩnh Long, Hậu Giang, chúng tôi nhận thấy : Có những cách xác định tỉ lệ và cơ cấu khác nhau, nhất là về chi tiết, song cơ bản thì giống nhau về cách tính toán. Đó là cách dựa trên cơ cấu, tỉ lệ giáo viên bộ môn hiện có theo định mức giáo viên trên lớp như quy định hiện hành của Bộ GD - ĐT theo bảng (xem bảng 1):

Bảng 1: Danh mục môn học và định mức giáo viên THPT

TT	Bộ môn	Định mức GV/lớp	Tỉ lệ	Cơ cấu	Ghi chú
1	Toán	0,237	11,28%	7 môn khoa học cơ bản chiếm tỉ trọng 56,28%	
2	Lí	0,177	8,42%		
3	Hóa	0,177	8,42%		
4	Sinh	0,118	5,61%		
5	Văn	0,296	14,09%		
6	Sử	0,089	4,23%		
7	Địa	0,089	4,23%		
8	GD công dân	0,089	4,23%	7 môn còn lại chiếm tỉ trọng 43,72%, trong đó riêng ngoại ngữ chiếm 8,42% và sinh hoạt chủ nhiệm chiếm 11,28%	
9	Tiếng nước ngoài	0,177	8,42%		
10	Kỹ thuật	0,118	5,61%		
11	Thể dục	0,118	5,61%		
12	GD quốc phòng	0,089	4,23%		
13	Tin học	0,089	4,23%		
14	Sinh hoạt chủ nhiệm	0,237	11,28%		
<b>Cộng chung</b>		<b>2,1</b> Gv/lớp	<b>100%</b>	<b>100%</b>	

Căn cứ vào bảng 1, thí dụ một tỉnh A dự kiến đến năm 2010 sẽ có 2100 giáo viên THPT; 10%

giáo viên sẽ là 210 người được dự kiến đào tạo và tốt nghiệp sau đại học vào năm 2010 thì tỉ lệ, cơ cấu, số lượng dự kiến trong kế hoạch cơ bản được xác định như sau :

1. Các nhóm ngành Toán học : 24 giáo viên (làm tròn số từ 23,7).

2. Nhóm ngành Lí : 18 giáo viên (làm tròn số từ 17,7).

.....  
5. Nhóm ngành Văn : 30 giáo viên (làm tròn số từ 29,6%).

Tỉnh A như vậy sẽ lập được một bảng dự kiến kế hoạch đào tạo sau đại học như sau (xem bảng 2):

**Bảng 2: Dự kiến số lượng cán bộ, giáo viên có trình độ sau đại học đến 2010 (tỉnh A)**

TT	Bộ môn	Tổng số	Đã có đến 2005	Đang đào tạo	Đào tạo thêm	Ghi chú
1	Toán	24	1	2	21	
2	Lí	18	0	1	17	
3	Hóa	18	0	1	17	
4	Sinh	12	0	1	11	
5	Văn	30	2	3	25	
6	Sử	08	0	0	08	
7	Địa	08	0	0	08	
8	GD công dân	08	0	0	08	
9	Tiếng nước ngoài (Anh)	18	1	2	15	
10	Kỹ thuật	12	0	0	12	
11	Thể dục	12	0	0	12	
12	GD quốc phòng	09	0	0	09	
13	Tin học	09	1	3	05	
14	Sinh hoạt chủ nhiệm	24	1	2	21	Học QLGD
<b>Cộng chung</b>		<b>210</b>	<b>6</b>	<b>15</b>	<b>189</b>	

Bảng 1 được xem như bảng chuẩn, trên cơ sở bảng này, mỗi tỉnh có thể xây dựng các bảng cơ cấu số lượng cụ thể tùy theo điều kiện của tỉnh mình dựa trên thực trạng và mục tiêu cần đạt.

Việc dự kiến tỉ lệ, cơ cấu đào tạo cán bộ, giáo viên có trình độ sau đại học cũng cần dựa vào nhiều yếu tố khác

Dựa trên thực trạng đội ngũ cán bộ, giáo viên có các yếu tố như:

- Số lượng cán bộ, giáo viên có trình độ sau đại học có mặt trước khi lập kế hoạch thuộc những chuyên ngành gì, nhóm ngành nào, bao nhiêu người thì trong lập kế hoạch có thể trừ ra số lượng đó và bớt đi tỉ lệ đào tạo. Ngược lại, số lượng, tỉ lệ của nhóm ngành nào còn thiếu nhiều thì có thể tăng số lượng tỉ lệ trong xác định chỉ tiêu, kế hoạch.

- Trong 14 bộ môn, có những bộ môn chưa

có mã ngành đào tạo sau đại học thì dồn tỉ lệ cho các môn khác có nhu cầu.

Dựa trên mục tiêu, yêu cầu đào tạo :

- Đào tạo cán bộ quản lí giáo dục trình độ sau đại học, tùy theo quan điểm của mỗi tỉnh, có tỉnh đặt chỉ tiêu đào tạo cán bộ quản lí GD (chuyên ngành quản lí GD) ở mức 10-15%, có nơi chỉ cần đào tạo 5 đến 10% và dành tỉ lệ cho đào tạo các chuyên ngành khác.

- Có thể bổ sung các tỉ lệ, chỉ tiêu đào tạo sau đại học cho trung học cơ sở, tiểu học, mầm non với các chuyên ngành như: Cao học Tâm lí học Mầm non, Cao học Giáo dục Tiểu học ... Do vậy có thể rút bớt các chỉ tiêu khác để dành chỗ

cho nhóm

ngành hoặc

từng chuyên

ngành thuộc

lĩnh vực này

(Thí dụ như

Tiền Giang,

Long An, Vĩnh

Long, Hậu

Giang).

- Cũng có

thể do thiếu

giảng viên có

trình độ sau đại

học ở các

trường cao

đẳng trực

thuộc, Sở GD -

ĐT phải đào

tạo nguồn từ

giáo viên THPT

để chuyển

sang, do vậy tỉ lệ, cơ cấu cũng có thể có sự sắp xếp để giải quyết yêu cầu này (Thí dụ như Tiền Giang).

- Ưu tiên đào tạo các chuyên ngành về Lí luận và phương pháp dạy học chiếm 20-30% các chuyên ngành (Bến Tre).

Ngoài ra, cũng có thể xác định các tỉ lệ trong cơ cấu đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ khi lập kế hoạch. Thông thường tỉ lệ này là 5 - 10% tiến sĩ, 90 - 95% thạc sĩ (Tiền Giang, Long An) .

Đối với nhiều tỉnh, chỉ cần xác định các tỉ lệ, số lượng đào tạo sau đại học theo như bảng 2 là đủ, việc chọn lựa các chuyên ngành do các cá nhân được cử đi học hoặc do cơ sở đào tạo sau đại học xem xét quyết định. Thực ra, việc xác định tỉ lệ, cơ cấu đào tạo đến đây (theo bảng 2) cũng đã đáp ứng yêu cầu cơ bản của việc xây dựng một kế hoạch dự kiến đào tạo sau đại học.

Tuy vậy, cũng có tỉnh rất quan tâm đến việc chọn lựa các chuyên ngành đào tạo để hướng người dự tuyển đi vào các mã ngành cụ thể. Thí dụ : Tỉnh A xác định đưa đào tạo 21 giáo viên Toán đến năm 2010 nhưng đồng thời cũng dự kiến đến chỉ tiêu đào tạo các mã ngành cụ thể như bảng 3.

Toán học. Nếu đối với các bộ môn khác cũng có tình hình như bảng 3 thì rõ ràng là tỉnh A rất chú trọng đến vấn đề lí luận và phương pháp bộ môn trong giáo dục phổ thông trung học.

Tương tự như vậy, ta cũng có thể nhận thấy các tỉnh khác như tỉnh B lại quan tâm đến đào tạo sau đại học ở lĩnh vực khoa học cơ bản nếu

**Bảng 3 : Danh mục, số lượng đào tạo các chuyên ngành Toán**

TT	Chuyên ngành	Số lượng giáo viên	Tỉ lệ	Ghi chú
1	Toán giải tích	4	19%	
2	Hình học và tôpô	3	14,2%	
3	Phương trình vi phân và tích phân Đại số và lí thuyết số	3	14,2%	
4	Lí luận và phương pháp dạy học	4	19%	
5	Toán học	7	33,6%	
<b>Công</b>		<b>21</b>	<b>100%</b>	

**Bảng 4 : Dự kiến số lượng đào tạo cán bộ, giáo viên có trình độ sau đại học theo chuyên ngành(Tỉnh A).**

TT	Bộ môn	Tổng số	Số lượng đào tạo đến 2010	Ghi chú
1	Toán - Toán giải tích - Hình học và tôpô - Phương trình vi phân và tích phân - Đại số và lí thuyết số - Lí luận và phương pháp dạy học Toán học	21	Chia ra 4 3 3 4 7	
2	Lí ..... ..... .....	17	Chia ra . . .	
14	Quản lí giáo dục	16		
15	Các nhóm ngành khác	5		
		<b>189</b>		

tỉ lệ và số lượng đào tạo các chuyên ngành chiếm phần lớn hơn trong cơ cấu kế hoạch đào tạo. Tỉnh C lại quan tâm, chú trọng đến cả hai lĩnh vực mà tỉnh A và tỉnh B quan tâm...

Kết hợp các yếu tố nêu trên, bảng 2 về dự kiến số lượng đào tạo của tỉnh A sẽ được chi tiết hóa như bảng 4.

Như vậy bảng 4 là bảng 2 được bổ sung chi tiết. Tuy nhiên, so với bảng 2, bảng 4 có 15 số thứ tự vì đã giảm bớt chỉ tiêu ở số thứ tự 14 để thêm chỉ tiêu cho số thứ tự 15 : Đào tạo các chuyên ngành khác như Cao học Tiểu học, Cao học Tâm lí học Mầm non ...

Trong thực tế qua xem xét kế hoạch của 5 tỉnh, có ít tỉnh chú trọng lập kế hoạch đến bảng 4, đa số dừng lại ở

(Đối với các môn còn lại như Lí, Hóa, Sinh... có thể dự kiến tương tự như bảng 3).

Qua bảng 3, ta thấy tỉnh A rất quan tâm đến chuyên ngành lí luận và phương pháp dạy học

bảng 2 với những biến thể cho phù hợp hoặc cần thận hơn, lập kế hoạch 5 năm thì theo như bảng 2, lập kế hoạch hàng năm thì theo như bảng 4.

(Xem tiếp trang 41)